

Số: /BC-BNN-TL

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

**Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nghị định
Số 114/2018/NĐ-cp ngày 04/9/2018 của chính phủ về quản lý
An toàn đập, hồ chứa nước**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ giao chủ trì, phối hợp với các Bộ: Công Thương, Tài Nguyên và Môi trường, các cơ quan, địa phương liên quan tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước (theo Văn bản số 1722/VPCP-NN ngày 16/3/2023 của Văn phòng Chính phủ), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Văn bản số 2767/BNN-TL ngày 05/5/2023 đề nghị Bộ Công Thương, Bộ Tài Nguyên và Môi trường, UBND các tỉnh/thành phố tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định nêu trên. Tổng hợp kết quả, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có Báo cáo số 9322/BC-BNN-TL ngày 20/12/2023 gửi Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện Văn bản số 45/PG-VPCP ngày 05/01/2024 của Văn phòng chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT có Văn bản số 480/BNN-TL ngày 15/01/2024 đề nghị Bộ Công Thương, Bộ Tài Nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính có ý kiến bằng văn bản về hồ sơ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định nêu trên.

Tổng hợp kết quả tổng kết, đánh giá, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

Theo thống kê, cả nước hiện có tổng số 7.326 hồ chứa thủy lợi, thủy điện với tổng dung tích 69 tỷ m³, trong đó: 6.723 hồ chứa thủy lợi¹, gồm: 4 hồ quan trọng đặc biệt, 896 hồ lớn, 1.540 hồ vừa và 4.283 hồ nhỏ, được phân bố tại 45/63 tỉnh/thành phố trên cả nước với tổng dung tích trữ khoảng 15 tỷ m³, tạo nguồn nước tưới cho 1,1 triệu ha đất nông nghiệp, cấp khoảng 1,5 tỷ m³ nước cho sinh hoạt, công nghiệp; 552 hồ chứa thủy điện, gồm 18 hồ quan trọng đặc biệt, 371 hồ lớn, 82 hồ vừa, 81 hồ nhỏ được phân bố tại 32/63 tỉnh/thành phố trên cả nước với tổng dung tích trữ khoảng 54 tỷ m³, tổng công suất lắp máy 22.472 MW.

Nghị định số 114/2018/NĐ-CP với 4 chương, 35 điều gồm những quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động liên quan đến đập, hồ chứa

¹ Một số hồ chứa xây dựng mới đã bàn giao đưa vào sử dụng thời gian qua như: Hồ Văn Hán (1,5 triệu m³), Đèo Phụng (0,4 triệu m³) tỉnh Thái Nguyên; hồ Nậm Cát (12,5 triệu m³), tỉnh Bắc Kạn; hồ Ngòi Giành (36,9 triệu m³) tỉnh Phú Thọ; hồ Mỹ Lâm (35 triệu m³), tỉnh Phú Yên; hồ Ea H'Leo 1 (25,5 triệu m³) tỉnh Đắk Lắk;...

nước (thuộc 2 nhóm đập, hồ chứa thủy lợi và đập, hồ chứa thủy điện) trên lãnh thổ Việt Nam, trong đó:

1. Về quy định chung

Bao gồm các nội dung: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; phân loại đập, hồ chứa nước và nguyên tắc quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

2. Quy định pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trong giai đoạn xây dựng

Bao gồm các nội dung: Yêu cầu thiết kế, thi công xây dựng đập, hồ chứa nước; phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công; kiểm tra công tác nghiệm thu và lưu trữ hồ sơ đập, hồ chứa nước.

3. Quy định pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trong giai đoạn khai thác

Gồm 17 quy định chính, cụ thể như sau:

- Kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước;
- Lập, điều chỉnh bổ sung quy trình vận hành hồ chứa nước;
- Lập quy trình vận hành cửa van;
- Lập quy trình bảo trì công trình;
- Lập và lưu trữ hồ sơ đập, hồ chứa nước;
- Lắp đặt thiết bị và quan trắc công trình đập, hồ chứa nước;
- Lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng;
- Kiểm tra và báo cáo hiện trạng đập, hồ chứa nước;
- Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước;
- Bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa nước;
- Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành; thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập;
- Cấm mốc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước;
- Lập và thực hiện phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước;
- Lập và thực hiện phương án ứng phó thiên tai;
- Lập và thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;
- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa nước;
- Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập.

(Quy định về thời gian thực hiện/thời hạn hoàn thành như Phụ lục I kèm theo)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH

Nghị định số 114/2018/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực (từ ngày 04/9/2018), công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa nước được các Bộ, Ngành, địa phương quan tâm: 45/45 tỉnh/thành phố có hồ chứa đã ban hành quyết định phân loại đập, hồ chứa, 37/45 tỉnh/ thành phố đã có quyết định thành lập và tổ chức các hoạt động của hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập để quyết định phương án tích nước và các giải pháp đảm bảo an toàn đập, hồ chứa hàng năm²;

² 08 tỉnh chưa triển khai thực hiện thành lập hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập gồm: Hải Dương, Hà Giang, Lai Châu, Yên Bái, Quảng Nam, Ninh Thuận, Bình Thuận, Tây Ninh.

các Bộ, Ngành, đã chỉ đạo phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện, bố trí kinh phí để thực hiện các quy định của Nghị định đối với các công trình do Bộ quản lý; các địa phương, đơn vị bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện các quy định của Nghị định đối với các công trình do địa phương, đơn vị quản lý. Tuy kết quả thực hiện Nghị định có khác nhau ở từng nhóm đập, hồ chứa nước (thủy lợi, thủy điện), việc thực hiện Nghị định số 114/2018/NĐ-CP đã khắc phục được những tồn tại, bất cập của Nghị định số 72/2007/NĐ-CP.

1. Kết quả thực hiện đối với đập, hồ chứa thủy lợi

1.1. Các đập, hồ chứa do Bộ quản lý:

Cơ bản các nội dung được thực hiện, số lượng cụ thể gồm: Cửa Đạt 17/17 nội dung; Ngàn Trươi 16/17 nội dung (*chưa thực hiện kiểm định*); Tả Trách 15/17 nội dung (*chưa lập phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du*); Dầu Tiếng 15/17 nội dung (*đang thực hiện kiểm định, lập phương án bảo vệ*); Ia Mơr 15/17 nội dung (*chưa thực hiện kiểm định, đang lập phương án bảo vệ*).

Tuy nhiên, một số nội dung cần cập nhật bổ sung hoàn thiện đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành nhằm chủ động ứng phó với các tình huống khẩn cấp, thiên tai đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du đập trong thời gian tới như:

- Bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa nước³;
- Lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng⁴;
- Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập⁵...

(Chi tiết như Phụ lục II kèm theo)

1.2. Các đập, hồ chứa do địa phương quản lý:

Một số nhiệm vụ được thực hiện khá tốt, như: Kiểm tra, báo cáo hiện trạng công trình 100%; đăng ký an toàn đập 86%; quy trình vận hành cửa van 100%; phương án ứng phó thiên tai 78%... Tuy nhiên, tình hình thực hiện các quy định còn hạn chế do nhiều địa phương chưa bố trí đủ kinh phí để tổ chức thực hiện, tập trung ở nhóm hồ vừa và nhỏ, như: Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp 28%; phương án bảo vệ 48%; kiểm định an toàn 9%; quy trình vận hành 28%; lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng 17%; lắp thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du 17%; bảo trì sửa chữa nâng cấp 27%⁶; 5% số hồ được xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du.

Mặc dù phần lớn hồ chứa lớn đã được giao cho các đơn vị đủ năng lực theo quy định, cả nước vẫn còn **79** hồ chứa thủy lợi lớn được giao cho các đơn vị thuộc UBND cấp huyện, xã quản lý khai thác chưa phù hợp với quy định pháp luật, điển hình như tại Tuyên Quang 16 hồ, Nghệ An 15 hồ, Quảng Nam 7 hồ,... Tồn tại này

³ 5/5 công trình cần bố trí kinh phí và bảo trì hàng năm, tuy nhiên kinh phí được bố trí còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu công tác bảo trì.

⁴ 3/5 công trình cần nâng cấp hiện đại hóa; 2/5 công trình đã hoàn thiện đồng bộ.

⁵ 1/5 hồ đang thực hiện; hồ Cửa Đạt chưa hoàn thiện, cần tiếp tục đầu tư, nâng cấp; hồ Tả Trách đã lắp đặt đầu mối, cần bổ sung hạ du.

⁶ Theo báo cáo của các địa phương và tổng hợp của Cục Thủy lợi, hiện cả nước còn **337 hồ** thủy lợi hư hỏng nặng chưa có nguồn vốn để sửa chữa.

do các địa phương chưa thực hiện việc phân giao quản lý khai thác đập, hồ chứa nước theo quy định mới.

Về thành lập Hội đồng tư vấn an toàn đập cấp tỉnh: Hiện tại có 37/45 tỉnh đã thực hiện (chiếm 82%), còn lại 8 tỉnh/ thành phố đang triển khai thực hiện.

(Chi tiết như Phụ lục III kèm theo)

2. Kết quả thực hiện đối với đập, hồ chứa thủy điện: Theo báo cáo của Bộ Công thương, đa phần nhiệm vụ được thực hiện tốt, trong đó: 12/17 nội dung đã thực hiện ở 100% số hồ; lắp đặt thiết bị quan trắc công trình 82%; lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng 80%; bảo trì, sửa chữa nâng cấp 85%; phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp 85%.

(Chi tiết như Phụ lục IV kèm theo)

3. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 114/2018/NĐ-CP so với Nghị định số 72/2007/NĐ-CP

Nghị định số 114/2018/NĐ-CP đã khắc phục được những bất cập của Nghị định số 72/2007/NĐ-CP, cụ thể:

- Về chủ thể quản lý, khai thác đập, hồ chứa nước: Điều 2 Nghị số 114/2018/NĐ-CP quy định khái niệm chủ sở hữu, chủ quản lý và tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, từ đó làm rõ trách nhiệm (quản lý, khai thác đảm bảo an toàn và trách nhiệm cấp kinh phí) của từng chủ thể nêu trên đối với từng giai đoạn xây dựng, khai thác công trình. Quy định góp phần tháo gỡ một trong những nguyên nhân gây khó thực thi trong thực tế của Nghị định số 72/2007/NĐ-CP (vì không quy định về chủ sở hữu đập cũng như trách nhiệm bố trí kinh phí cho việc thực hiện tất cả các nội dung về quản lý an toàn).

- Về phân loại đập, hồ chứa nước: Điều 3 Nghị số 114/2018/NĐ-CP quy định phân loại đập, hồ chứa gồm 4 loại (quan trọng đặc biệt, lớn, vừa và nhỏ) thay cho 3 loại đập quy định tại Nghị định số 72/2007/NĐ-CP (quan trọng quốc gia, lớn, nhỏ). Phân loại đập để gắn với phân cấp quản lý, khai thác và để quy định mức độ thực hiện các quy định tại các chương khác của Nghị định như: Lập quy trình vận hành, kiểm định an toàn,... là phù hợp về mặt kỹ thuật, thuận lợi và giảm chi phí quản lý, tháo gỡ được một trong những nguyên nhân gây khó thực thi trong thực tế của Nghị định số 72/2007/NĐ-CP; đến nay, đã có 45/45 tỉnh/thành phố có đập, hồ chứa thủy lợi và 32/32 tỉnh/thành phố có đập, hồ chứa thủy điện ban hành quyết định danh mục đập, hồ chứa nước.

- Về lập quy trình vận hành: Nghị định số 72/2007/NĐ-CP chỉ quy định chung “*Chủ đập phải lập quy trình điều tiết nước hồ chứa*”, Nghị định 114/2018/NĐ-CP quy định cụ thể với từng loại công trình, trong đó “*đối với hồ chứa nước nhỏ, tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác phải lập quy trình vận hành và công bố công khai*”. Quy định đối với hồ chứa nhỏ không phải thực hiện việc trình thẩm định, phê duyệt (bởi các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền) như đối với hồ chứa quan trọng đặc biệt, lớn, vừa là hợp lý về mặt kỹ thuật, tiết kiệm kinh phí; đến nay, đã có 100% số hồ thủy điện, 1.838 hồ chứa thủy lợi (28% số hồ) được lập quy trình (tăng 1.530 hồ so với tháng 01/2018).

- Về kiểm định an toàn: Nghị định số 72/2007/NĐ-CP chỉ quy định việc kiểm định định kỳ (*đối với đập của các hồ chứa nước có dung tích trữ bằng*

hoặc lớn hơn 10.000.000 m³, kiểm định theo định kỳ 10 năm; đối với các hồ chứa có dung tích trữ dưới 10.000.000 m³, kiểm định theo định kỳ 7 năm), Nghị định 114/2018/NĐ-CP quy định cụ thể hơn: Kiểm định lần đầu (thực hiện trong năm thứ ba kể từ ngày tích nước đến mực nước dâng bình thường hoặc trong năm thứ năm kể từ ngày tích nước), kiểm định định kỳ (5 năm kể từ lần kiểm định gần nhất đối với đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn và vừa) và kiểm định đột xuất. Như vậy, với đập, hồ chứa nước nhỏ, chỉ kiểm định lần đầu và kiểm định đột xuất (nếu có). Tương tự quy trình vận hành, việc quy định kiểm định như vậy với đập, hồ chứa nước nhỏ là hợp lý về mặt kỹ thuật, tiết kiệm kinh phí; đến nay, đã có 100% số hồ thủy điện, 567 hồ chứa thủy lợi (9% số hồ) được kiểm định an toàn (tăng 227 hồ so với tháng 01/2018).

- Về nội dung và trách nhiệm tổ chức kiểm tra đập, hồ chứa nước:

+ Điều 16, Điều 17 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP quy định trách nhiệm Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Chủ tịch UBND cấp tỉnh chỉ đạo công tác kiểm tra, đánh giá an toàn đập, quyết định phương án tích nước và giải pháp đảm bảo an toàn đập, hồ chứa theo phạm vi quản lý. Quy định này nhằm nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý đảm bảo an toàn đập;

+ Thực hiện Nghị định: Đối với hồ thủy lợi, đến nay Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quyết định thành lập và chỉ đạo tổ chức các hoạt động của Hội đồng để kiểm tra, đánh giá 5 hồ thuộc thẩm quyền của Bộ⁷, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập và tổ chức các hoạt động của Hội đồng để kiểm tra, đánh giá các hồ do địa phương quản lý; đối với hồ chứa thủy điện, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập và tổ chức các hoạt động của Hội đồng để kiểm tra, đánh giá 5 hồ chứa trên bậc thang thủy điện sông Đà⁸, Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập và tổ chức các hoạt động của Hội đồng để kiểm tra, đánh giá 40 hồ thuộc thẩm quyền của Bộ⁹, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập và tổ chức hoạt động của Hội đồng để kiểm tra, đánh giá các hồ do địa phương quản lý.

III. KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, HƯỚNG DẪN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH

1. Khó khăn chung

a) Đối với đập, hồ chứa thủy lợi:

Nhiều nội dung thực hiện hạn chế vì một số khó khăn sau:

⁷ Cửa Đạt, Ngàn Trươi, Tả Trạch, Dầu Tiếng, Ia Mơr.

⁸ Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng và Bản Chát.

⁹ Hồ quan trọng đặc biệt: Nậm Chiến, Thác Bà, Tuyên Quang, Bản vẽ, Hương Điền, Sông Tranh 2, Sông Bung 4, Pleikrông, Thác Mơ, Trị An, Ialy, Đồng Nai 3, Đồng Nai 4; hồ liên tỉnh: Bắc Mê, Bảo Lâm 3, Pa Ke, Sông Lô 6, Hố Hô, Vĩnh Sơn (A, B, C), Sông Hinh, Sông Ba Hạ, Đakđrinh, An Khê, Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4, Sê San 4A, Buôn Tua Srah, Buôn Kóp, Srêpôk 3, Srêpôk 4, Hoà Phú, Chư Pông Krông, Đrây Hlinh 1, Krông Nô 2, Krông Nô 3, Krông H' năng, Đăk Ka, Đồng Nai 5, Hàm Thuận. (hồ Ialy, Đồng Nai 3, Đồng Nai 4 đồng thời là hồ liên tỉnh).

- Một số quy định chưa phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn khi tổ chức thực hiện (giải thích từ ngữ; phương án ứng phó với thiên tai trong quá trình thi công; quy trình vận hành hồ chứa; phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp).

- Thiếu một số quy định hoặc quy định nhưng chưa đầy đủ dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện (phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước; Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập).

- Nhiều địa phương thiếu kinh phí và tổ chức thực hiện quy định pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa:

+ Theo tổng hợp, có 39/45 tỉnh/thành phố có đập, hồ chứa thủy lợi nêu khó khăn về kinh phí (kinh phí để thực hiện thì nhiều trong khi nguồn lực địa phương hạn chế,...) cho việc thực hiện các quy định pháp luật về quản lý an toàn đập (17/19 tỉnh/thành khu vực Bắc Bộ, 14/14 tỉnh/thành khu vực Trung Bộ, 8/12 tỉnh/thành khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ). Trong đó 17/45 tỉnh/thành phố nêu khó khăn về việc thu từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi chỉ đủ chi cho một số hoạt động khai thác công trình thủy lợi như (chi tiền lương, tiền công, các khoản phải nộp tính theo lương và chi sửa chữa thường xuyên công trình), không đủ để chi cho các nội dung khác như thực hiện quy định pháp luật về quản lý an toàn đập (*Chi tiết như Phụ lục V kèm theo*);

+ Theo thống kê tại 45 tỉnh/thành có đập, hồ chứa thủy lợi: Giai đoạn 2018 ÷ 2023, các tỉnh/thành đã bố trí được 11.200 tỷ đồng cho việc thực hiện các quy định pháp luật phải cần đến kinh phí (lập quy trình vận hành hồ chứa; lập quy trình bảo trì công trình; lưu trữ hồ sơ; lắp đặt thiết bị quan trắc công trình; lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng; kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước; bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa nước; lắp đặt hệ thống giám sát vận hành; thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập; cấm mốc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước;...); tổng nhu cầu kinh phí cho các năm tiếp theo là 19.500 tỷ đồng (*Chi tiết như Phụ lục VI kèm theo*);

+ Đối với các hồ chứa do các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý khai thác (Dầu Tiếng, Cửa Đạt, Tả Trạch, Ngàn Trươi, Ia Mơr): Hồ Cửa Đạt, Tả Trạch do chưa hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý (giải thể Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 3, Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 5; thành lập và tổ chức hoạt động của Công ty TNHH MTV KTTL Cửa Đạt, Tả Trạch) nên giai đoạn 2019-2023, việc hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi từ nhà nước không thực hiện được; hồ Ngàn Trươi, Ia Mơr chưa được bàn giao chính thức về đơn vị có năng lực để quản lý khai thác, do đó giai đoạn 2019-2023 không được bố trí kinh phí để thực hiện các quy định pháp luật (*Chi tiết như Phụ lục VII kèm theo*);

+ Riêng đối với bảo trì sửa chữa nâng cấp hồ chứa: Giai đoạn từ năm 2018 đến nay, Chính phủ quan tâm hỗ trợ các địa phương với tổng kinh phí khoảng 7.728 tỷ đồng (hỗ trợ 30 tỉnh 500 tỷ đồng để sửa chữa cấp bách 84 hồ năm 2019; hỗ trợ 12 tỉnh 1.000 tỷ đồng để sửa chữa 68 hồ trong khuôn khổ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội; hỗ trợ 6.228 tỷ đồng để sửa chữa nâng cấp 436 hồ trong khuôn khổ dự án WB8); kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, Chính phủ dự kiến bố trí 3.131 tỷ đồng để sửa chữa nâng cấp 29 hồ. Tuy nhiên,

hiện cả nước còn 337 hồ hư hỏng nặng chưa có kinh phí (ước tính 3.800 tỷ đồng) để sửa chữa nâng cấp.

- Một số địa phương vẫn giao cấp huyện, xã khai thác đập, hồ chứa thủy lợi lớn, vừa và nhỏ, nhiều nơi chưa thành lập được tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác công trình theo quy định. Lực lượng cán bộ, công nhân quản lý, vận hành còn thiếu và năng lực còn hạn chế.

b) Đối với đập, hồ chứa thủy điện: Một số quy định chưa phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn khi tổ chức thực hiện (giải thích từ ngữ; phương án ứng phó với thiên tai trong quá trình thi công; quy trình vận hành hồ chứa; phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp); thiếu một số quy định hoặc quy định nhưng chưa đầy đủ dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện (phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước; bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập).

2. Khó khăn vướng mắc cụ thể và đề nghị phương án khắc phục

2.1. Về những quy định chung:

- Nghị định quy định: Vùng hạ du đập là vùng bị ngập lụt khi hồ xả nước theo quy trình; xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập. Thực tế khó xác định vùng hạ du của các hồ thủy lợi, thủy điện trong trường hợp có nhiều hồ chứa trên cùng lưu vực sông khi xả lũ thì nhập lưu với các sông/suối khác và có chung vùng bị ngập. Vì vậy, việc xác định phạm vi ngập lụt để xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập hồ chứa thủy điện và lập phương án ứng phó khẩn cấp gặp khó khăn. **Đề nghị nghiên cứu để điều chỉnh nội dung Nghị định** (định nghĩa lại vùng hạ du đập).

- Thiếu giải thích từ ngữ: Thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn đập và vùng hạ du,... **Đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị định, hướng dẫn cụ thể để thực hiện.**

2.2. Về quy định quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trong giai đoạn xây dựng:

- Yêu cầu về thiết kế, thi công xây dựng đập, hồ chứa nước: Chưa quy định về bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu đối với các dự án xây dựng hồ chứa trên sông, suối. **Đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị định.**

- Phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công: Quy định thẩm quyền phê duyệt Phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc UBND các cấp là chưa phù hợp, đặc biệt UBND cấp xã (do không đủ năng lực để thực hiện). **Đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị định.**

- Thiếu quy định về các nội dung: "Dự án xây dựng hồ chứa trên sông, suối phải có các hạng mục công trình để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, sử dụng nguồn nước tổng hợp, đa mục tiêu, sử dụng dung tích chết của hồ chứa trong trường hợp hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng, bảo đảm sự di cư của các loài cá, sự di lại của phương tiện vận tải thủy đối với các đoạn sông, suối có hoạt động vận tải thủy"; thẩm quyền quyết định tích nước đối với các hồ chứa xây dựng mới trong những năm đầu. **Đề nghị bổ sung nội dung Nghị định.**

2.3. Về quy định quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trong giai đoạn khai thác:

- Kế khai đăng ký an toàn đập: Việc kế khai thủ công như hiện nay gây khó khăn trong việc tiếp cận hồ sơ công trình, ngoài ra Nghị định chưa quy định đối với trường hợp kế khai mà thiếu thông số kỹ thuật công trình. **Đề nghị điều chỉnh bổ sung nghị định** (quy định đăng ký đối với hồ chứa thiếu thông số kỹ thuật công trình...).

- Quy trình vận hành hồ chứa:

+ Quy định tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi lập quy trình vận hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt là thiếu linh hoạt. **Đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị định** (theo hướng chủ sở hữu giao tổ chức, cá nhân có năng lực thực hiện).

+ Quy định định kỳ 5 năm rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành là chưa phù hợp. **Đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị định** quy định định kỳ 5 năm rà soát, nếu phù hợp được tiếp tục thực hiện quy trình, nếu không phù hợp thì điều chỉnh).

+ Tổ chức thực hiện quy trình vận hành hồ chứa nước: Điều chỉnh bổ sung về đa dạng hình thức ghi nhật ký vận hành phù hợp với cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và chương trình chuyển đổi số quốc gia.

+ Ngoài ra, cần thiết phải **xây dựng định mức lập quy trình vận hành hồ chứa** làm cơ sở thực hiện.

- Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng: Nghị định quy định việc cung cấp thông tin, báo cáo được thực hiện theo một trong các hình thức sau: Gửi trực tiếp, bằng fax, bằng mạng vi tính, qua điện thoại, bằng máy thông tin vô tuyến điện (ICOM) hoặc các hình thức khác. Với sự phát triển của công nghệ thông tin như hiện nay, cần bổ sung quy định về phương thức cung cấp thông tin (theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số). **Đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị định.**

- Trách nhiệm kiểm tra và đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước trước mùa mưa hằng năm: Nghị định chưa quy định trách nhiệm gửi báo cáo, thời gian gửi báo cáo đánh giá an toàn đập, hồ chứa trên bậc thang thủy điện sông Đà. **Đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị định.**

- Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước: Nghị định chưa quy định trách nhiệm lập đề cương kiểm định. **Đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị định** (bổ sung quy định trách nhiệm lập đề cương kiểm định).

- Bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa nước và lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập: Nghị định chưa quy định rõ nội hàm các nội dung hiện đại hóa đập, hồ chứa nước và lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập. **Đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị định.**

- Phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước: Nghị định chưa quy định rõ nội dung phương án đối với công trình quan trọng đặc biệt, quy định về trình, thẩm định nội dung phương án. **Đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị định.**

- Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ: Quy định tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ là thiếu linh hoạt. **Đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị định** (theo hướng Chủ sở hữu giao tổ chức, cá nhân có năng lực thực hiện).

- Cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện: Nghị định chưa quy định trách nhiệm quản lý mốc chỉ giới. **Đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị định.**

- Phương án ứng phó thiên tai: Nghị định quy định “*Phương án ứng phó thiên tai thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật phòng, chống thiên tai*” trong khi Điều 22 Luật phòng, chống thiên tai chưa quy định rõ nội hàm của Phương án, thẩm quyền phê duyệt quy định UBND cấp tỉnh là chưa phù hợp. **Đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị định** (làm rõ nội hàm, thẩm quyền phê duyệt,... của phương án).

- Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp: Nghị định quy định “Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã” là chưa phù hợp vì năng lực chuyên môn của UBND cấp xã không phù hợp. **Đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị định** (theo hướng phân cấp thẩm định, phê duyệt phương án cho UBND cấp huyện hoặc quy định về thẩm tra phục vụ công tác thẩm định, phê duyệt).

- Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập: Nghị định không quy định trách nhiệm, trình tự, thủ tục và nội dung thẩm định bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập; quy định trách nhiệm xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập mà vùng hạ du đập bị ảnh hưởng bởi nhiều đập trên địa bàn 1 tỉnh (thuộc UBND cấp tỉnh) là chưa linh hoạt. **Đề nghị bổ sung nội dung Nghị định.**

- Hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước: Chưa có quy định cụ thể về xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước gồm những nội dung nào, phương thức quản lý. **Đề nghị bổ sung nội dung Nghị định.**

- Kinh phí thực hiện Nghị định:

+ Thiếu quy định về kinh phí hoạt động của Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước. **Đề nghị bổ sung nội dung Nghị định.**

+ Quy định kinh phí cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc nội dung chi đầu tư phát triển là chưa linh hoạt. **Đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị định** (theo hướng quy định nhiều nguồn kinh phí để thực hiện nội dung này).

+ Việc xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập: Theo quy định tại Điều 27, đối với vùng hạ du đập bị ảnh hưởng bởi nhiều đập trên địa bàn 1 tỉnh, UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm xây dựng, phê duyệt bản đồ. Quy định như vậy gây khó khăn đối với nhiều tỉnh vùng sâu, vùng xa. **Đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị định.**

(Chi tiết tại Phụ lục VIII, Phụ lục IX kèm theo)

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thực hiện Nghị định

Các địa phương kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT:

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ lựa chọn tổ chức cung cấp thiết bị công nghệ quan trắc công trình đập, hồ chứa; thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng; hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập uy tín, bảo đảm đủ công cụ, thiết bị quan trắc theo quy định hiện hành, từng bước nâng cấp tự động hóa, bảo đảm phục vụ công tác quản lý, vận hành, phục vụ chỉ đạo, điều hành phòng, chống lũ, hạn

hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng, giám sát chất lượng nước trong công trình thủy lợi đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước, tuyệt đối không để xảy ra các lỗi sự cố kỹ thuật như: Mất sóng vô tuyến, sóng truyền hình, tắt màn hình, kẹt cửa van,...;

- Chỉ đạo các trường trực thuộc mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý đập, hồ chứa để từng bước đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý đập, hồ chứa cho lực lượng quản lý khai thác hồ chứa;

- Hỗ trợ địa phương kinh phí để thực hiện các quy định pháp luật về quản lý an toàn đập.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN TRONG VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH

1. Giải pháp đã và đang thực hiện

Các Bộ, ngành, địa phương tham mưu chỉ đạo thực hiện và thực hiện Nghị định theo thẩm quyền, trong đó:

- Hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện: Tổ chức các đoàn công tác đi làm việc với các địa phương, đơn vị liên quan (hàng năm tổ chức kiểm tra công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi tại: Các tỉnh khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ); hàng năm tổ chức các hội nghị về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi để tăng cường hướng dẫn, quán triệt các nội dung liên quan công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi.

- Chỉ đạo công tác khoa học, hợp tác quốc tế để nghiên cứu cách làm hay, kinh nghiệm tốt phục vụ thực hiện Nghị định.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện đối với các công trình do Bộ quản lý làm cơ sở đề các địa phương, đơn vị liên quan tham khảo áp dụng.

- Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến quy định pháp luật tới tổ chức, cá nhân liên quan.

- Thực hiện nghiêm túc, trách nhiệm công tác thanh, kiểm tra việc thực hiện Nghị định.

- Tổ chức tổng hợp, nghiên cứu ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan về điều chỉnh, bổ sung Nghị định để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Tổ chức xây dựng, sửa đổi các sổ tay, tiêu chuẩn hướng dẫn việc thực hiện Nghị định:

- + Ban hành tiêu chuẩn TCCS 01:2020/TCTL Công trình thủy lợi – Lập và ban hành quy trình vận hành hồ chứa nước nhỏ; TCVN 11699:2023 Công trình thủy lợi – Đánh giá an toàn đập;

- + Ban hành một số sổ tay như: Sổ tay tra cứu thông tin đập, hồ chứa nước; sổ tay hướng dẫn quản lý an toàn đập, hồ chứa nước vừa và nhỏ; sổ tay hướng dẫn phát hiện và xử lý ngay từ giờ đầu sự cố đập, hồ chứa nước; sổ tay hướng dẫn vận hành hồ chứa nước theo thời gian thực; sổ tay quản lý an toàn hồ chứa nước Cửa Đạt, Dầu Tiếng, Tả Trách;

- + Đang sửa đổi tiêu chuẩn TCVN 10778:2015 Hồ chứa – Xác định các mực nước đặc trưng; TCVN Công trình thủy lợi – Quy định về lập và ban hành Quy trình vận hành hồ chứa nước; TCVN Công trình thủy lợi – Bản đồ ngập lụt hạ du hồ chứa nước trong các tình huống xả lũ – Yêu cầu kỹ thuật...

- Bố trí kinh phí cho việc sửa chữa nâng cấp công trình và thực hiện các quy định pháp luật về an toàn đập, hồ chứa nước.
- Chính phủ quan tâm hỗ trợ kinh phí cho các địa phương sửa chữa nâng cấp công trình.

2. Giải pháp cần tiếp tục thực hiện

2.1. Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Công thương, UBND cấp tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện:

- Hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Nghị định; chỉ đạo công tác khoa học, hợp tác quốc tế nhất là đẩy mạnh chuyển đổi số; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý an toàn đập cho các đơn vị khai thác hồ chứa; chỉ đạo tổ chức thực hiện đối với các công trình do Bộ quản lý; tăng cường công tác truyền thông; thực hiện nghiêm túc, trách nhiệm công tác thanh, kiểm tra; tổ chức tổng hợp, nghiên cứu ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan về các nội dung Nghị định;
- Tiếp tục rà soát năng lực của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; phân cấp quản lý các đập, hồ chứa; kiện toàn, củng cố tổ chức quản lý khai thác đập, hồ chứa thủy lợi đảm bảo đáp ứng năng lực theo quy định của pháp luật thủy lợi;
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sửa chữa, nâng cấp đập, hồ chứa thủy lợi bằng các nguồn vốn khác nhau; bố trí kinh phí cho việc thực hiện quy định pháp luật về an toàn đập.

2.2. Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Công thương tổ chức xây dựng các hướng dẫn, tiêu chuẩn, định mức liên quan đến việc thực hiện Nghị định.

V. TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả thực hiện các quy định tại Nghị định (quy định thực hiện tốt, thực hiện hạn chế, nguyên nhân của hạn chế)

Nghị định 114/2018/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực (từ ngày 04/9/2018), công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa nước được các Bộ, Ngành, địa phương quan tâm. Tuy nhiên, kết quả thực hiện Nghị định có khác nhau ở từng nhóm đập, hồ chứa nước (thủy lợi, thủy điện):

1.1. Đối với đập, hồ chứa thủy lợi:

- Đập, hồ chứa thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý: 5 hồ gồm Cửa Đạt, Ngàn Trươi, Tả Trách, Dầu Tiếng, Ia Mơr đều thực hiện tốt, đạt từ **88-100%** số nội dung.

- Đập, hồ chứa thủy lợi do địa phương quản lý:

+ Một số quy định được thực hiện khá tốt, như: Kiểm tra, báo cáo hiện trạng công trình 100%; đăng ký an toàn đập 86%; phương án ứng phó thiên tai 78%... Tuy nhiên, tình hình thực hiện nhiều quy định còn hạn chế: 9% số hồ được kiểm định an toàn; 28% số hồ có quy trình vận hành; 19% số hồ lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng; 17% số hồ lắp thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du...;

+ Nguyên nhân của việc thực hiện hạn chế: Nhiều địa phương thiếu kinh phí để tổ chức thực hiện quy định pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa; một số quy định thiếu hướng dẫn, tiêu chuẩn, định mức để thực hiện.

1.2. Đối với đập, hồ thủy điện:

Đa phần nhiệm vụ được thực hiện tốt, trong đó: 12/17 nội dung đã thực hiện ở 100% số hồ; lắp đặt thiết bị quan trắc công trình 82%; lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng 80%; bảo trì, sửa chữa nâng cấp 85%; phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp 85%.

2. Tổng hợp kết quả rà soát từng quy định cụ thể (rà soát để điều chỉnh, bổ sung).

2.1. Về những quy định chung:

Điều 2. Giải thích từ ngữ: Vùng hạ du đập; hành lang thoát lũ; thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn đập và vùng hạ du; hệ thống giám sát vận hành¹⁰.

2. Quy định quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trong giai đoạn xây dựng:

+ Điều 5. Yêu cầu về thiết kế, thi công xây dựng đập, hồ chứa nước: Bổ sung quy định về bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu đối với các dự án xây dựng hồ chứa trên sông, suối¹¹;

+ Điều 7. Phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công: Điều chỉnh thẩm quyền phê duyệt phương án¹².

2.3. Quy định quản lý an toàn đập, hồ chứa nước trong gian đoạn khai thác:

- Điều 10. Kế khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước: Bổ sung quy định đăng ký đối với hồ chứa thiếu thông số kỹ thuật công trình¹³;

- Điều 11. Quy trình vận hành hồ chứa nước: Điều chỉnh bổ sung về đơn vị lập quy trình; thời gian tối thiểu phải rà soát, điều chỉnh,...¹⁴; thẩm quyền quyết định tích nước đối với các hồ chứa xây dựng mới trong những năm đầu¹⁵.

- Điều 12. Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước: Điều chỉnh về bản đồ hiện trạng công trình (hoặc sơ đồ); tên cơ quan đơn vị tiếp nhận hồ sơ¹⁶;

- Điều 13. Tổ chức thực hiện quy trình vận hành hồ chứa nước: Điều chỉnh bổ sung về đa dạng hình thức ghi nhật ký vận hành phù hợp với cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và chương trình chuyển đổi số quốc gia¹⁷;

- Điều 15. Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng: Điều chỉnh bổ sung về phương thức cung cấp thông tin (theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số)¹⁸;

¹⁰ Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Bộ CT, Ban 1, Ban 2, Trường ĐHTL, Hội đập lớn, C.ty KTTL Miền Nam, Viện KHTL Việt Nam; các tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Hải Dương, Thanh Hoá,...

¹¹ Tỉnh Quảng Bình.

¹² Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Bộ CT, Cục QL XDCT, Ban 2, Ban 7, Trường ĐHTL; tỉnh Cao Bằng, Đồng Nai.

¹³ Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Cục TL, Ban 4, Trường ĐHTL, tỉnh Lào Cai, Bắc Kạn, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Kon Tum, Kiên Giang.

¹⁴ Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Bộ CT, Trường ĐHTL, Hội đập lớn; tỉnh Hà Giang, Yên Bái, Quảng Nam, Khánh Hoà, Kon Tum.

¹⁵ Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp – Bộ CT; Cục QL XDCT;

¹⁶ Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Trường ĐHTL, tỉnh Phú Thọ.

¹⁷ Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Bộ CT, tỉnh Kon Tum.

- Điều 17. Trách nhiệm kiểm tra và đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước trước mùa mưa hằng năm: Bổ sung trách nhiệm gửi báo cáo, thời gian gửi báo cáo đánh giá an toàn đập, hồ chứa trên bậc thang thủy điện sông Đà¹⁹;

- Điều 18. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước: Điều chỉnh bổ sung theo hướng kéo dài thời gian giữa các lần kiểm định; bổ sung trách nhiệm lập đề cương kiểm định²⁰;

- Điều 19. Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi: Điều chỉnh bổ sung về thời gian thẩm định đề cương, kết quả kiểm định²¹;

- Điều 20. Bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa nước và lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập: Điều chỉnh bổ sung làm rõ nội hàm các nội dung hiện đại hóa đập, hồ chứa nước và lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập²²;

- Điều 21. Phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước: Đề nghị điều chỉnh nội dung Luật Thủy lợi (theo hướng quy định vùng phụ cận của lòng hồ chứa nước có phạm vi được tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình mực nước lớn nhất kiểm tra) làm cơ sở điều chỉnh nội dung Nghị định²³;

- Điều 23. Bảo vệ đập, hồ chứa nước: Bổ sung làm rõ nội dung phương án đối với công trình quan trọng đặc biệt, quy định về trình, thẩm định nội dung phương án²⁴; điều chỉnh quy định về trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi²⁵, bổ sung trách nhiệm quản lý, bảo vệ mốc²⁶;

- Điều 24. Cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện: Điều chỉnh bổ sung về trách nhiệm quản lý, thông báo mốc bị hư hỏng và thay thế mốc²⁷;

- Điều 25. Phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp: Điều chỉnh theo hướng quy định rõ nội hàm của phương án, thẩm quyền phê duyệt phương án²⁸;

¹⁸ Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Bộ TN&MT, Bộ CT, Hội đập lớn; tỉnh Tuyên Quang.

¹⁹ Cơ quan đề xuất: Cục Đề điều và PCTT.

²⁰ Địa phương đề xuất: Tỉnh Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Đồng Nai.

²¹ Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Bộ CT, Trường ĐHTL, Hội đập lớn, Cty KTTT Miền Nam, TP. Hà Nội, tỉnh Sơn La, Thanh Hoá, Quảng Ngãi, Kon Tum, Kiên Giang.

²² Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Bộ CT, Cục QL XDCT, Ban 3, Cty KTTT Miền Nam, Hội đập lớn, tỉnh Vĩnh Phúc, Quảng Bình, Bình Định, Khánh Hoà, Kon Tum.

²³ Cơ quan đề xuất: Cục QL XDCT.

²⁴ Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Ban 4, Cty KTTT Miền Nam, tỉnh Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hoà, Cục Thủy lợi.

²⁵ Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Tỉnh Ninh Bình.

²⁶ Cơ quan đề xuất: Bộ Công thương.

²⁷ Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Bộ TN&MT, Bộ Công Thương, tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, TP. Đà Nẵng.

- Điều 26. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp: Điều chỉnh bổ sung về thẩm quyền phê duyệt phương án²⁹;

- Điều 27. Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập: Bổ sung quy định trách nhiệm, trình tự, thủ tục và nội dung thẩm định bản đồ³⁰; điều chỉnh quy định trách nhiệm xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập mà vùng hạ du đập bị ảnh hưởng bởi nhiều đập trên địa bàn 1 tỉnh³¹;

- Điều 28. Cứu hộ đập, hồ chứa nước: Sửa tên “Ban chỉ đạo trung ương về phòng chống thiên tai” thành “Ban chỉ đạo Quốc gia về phòng chống thiên tai”;

- Điều 30. Kinh phí thực hiện quản lý an toàn đập, hồ chứa nước: Điều chỉnh quy định về loại kinh phí (đầu tư phát triển, thường xuyên) để thực hiện quy định pháp luật³²;

- Điều 33. Quy định chuyển tiếp: Bổ nội dung quy định đã hết hiệu lực (phương án phòng chống lụt bão bảo đảm an toàn đập trong mùa lũ năm 2018).

2.4. Các nội dung quy định tại Luật Thủy lợi cần điều chỉnh, bổ sung làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung nội dung Nghị định:

Một số nội dung quy định tại Luật Thủy lợi, quá trình triển khai thực hiện, các Bộ, địa phương đề xuất điều chỉnh, bổ sung làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung Nghị định, cụ thể:

- Phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước: Đề nghị điều chỉnh quy định về vùng phụ cận của lòng hồ chứa nước³³;

- Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải có giấy phép: Đề nghị điều chỉnh quy định về thẩm quyền cấp phép (theo hướng phân quyền cấp phép cho UBND cấp huyện trong một số trường hợp)³⁴;

- Đối tượng quản lý, khai thác công trình thủy lợi vừa: Bổ sung quy định cụ thể làm cơ sở thực hiện;

- Điều chỉnh quy mô nhiệm vụ, thông số kỹ thuật công trình: Bổ sung quy định thẩm quyền đề xuất, thẩm định, quyết định và trình tự thủ tục điều chỉnh quy mô, nhiệm vụ, thông số kỹ thuật công trình;

²⁸ Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Bộ Công Thương, Cục QL XDCT, Trường ĐHTL, Cty KTTT Miền Nam, Viện KHTL VN, Hội đập lớn; tỉnh Hà Giang, Hoà Bình, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum, Kiên Giang, TP. Đà Nẵng.

²⁹ Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Bộ Công Thương, Ban 4, Ban 8, Hội đập lớn, tỉnh Tuyên Quang, Lạng Sơn, Thanh Hoá, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Phước.

³⁰ Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Bộ Công Thương, Cục QL XDCT, Ban 2, Ban 4, Ban 7, Ban 8, Trường ĐHTL, Cty KTTT Miền Nam, Viện KHTL VN, Hội đập lớn, TP. Hà Nội, tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Cao Bằng, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Kiên Giang.

³¹ Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Bộ Công Thương, Ban 8, ĐHTL; tỉnh Hà Giang,

³² Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Ban 4, Trường ĐHTL, TP. Hà Nội, TP. Đà Nẵng, tỉnh Hà Giang, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Kon Tum, Lâm Đồng, Kiên Giang.

³³ Cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất: Bộ CT, Cục QL XDCT.

³⁴ Các tỉnh/thành phố đề xuất: Hà Nội, Thanh Hóa, Kon Tum.

- Tháo dỡ hồ chứa: Bổ sung quy định khi hồ chứa hết công năng, nhiệm vụ sử dụng, hư hỏng nặng không thể phục hồi sửa chữa hoặc sửa chữa không hiệu quả thì được tháo dỡ, khôi phục mặt cắt lòng sông theo hiện trạng.

VI. KIẾN NGHỊ

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao:

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương, cơ quan liên quan triển khai xây dựng “Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước”, trình Chính phủ trong năm 2025.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan rà soát sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông liên tỉnh theo hướng linh hoạt để vận hành hồ theo diễn biến thực tế, đảm bảo an toàn công trình, vùng hạ du đập và khai thác tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước.

3. UBND các tỉnh/thành có đập, hồ chứa nước chỉ đạo thực hiện:

- Hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Nghị định; chỉ đạo công tác khoa học, hợp tác quốc tế nhất là đẩy mạnh chuyển đổi số; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý an toàn đập cho các đơn vị khai thác hồ chứa; tăng cường công tác truyền thông; thực hiện nghiêm túc, trách nhiệm công tác thanh, kiểm tra; tổ chức tổng hợp, nghiên cứu ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan về các nội dung Nghị định;

- Tiếp tục rà soát năng lực của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; phân cấp quản lý các đập, hồ chứa; kiện toàn, củng cố tổ chức quản lý khai thác đập, hồ chứa thủy lợi đảm bảo đáp ứng năng lực theo quy định của pháp luật thủy lợi;

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sửa chữa, nâng cấp đập, hồ chứa thủy lợi bằng các nguồn vốn khác nhau; bố trí kinh phí cho việc thực hiện quy định pháp luật về an toàn đập.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- BT. Lê Minh Hoan (để b/c);
- VPCP;
- Bộ CT, Bộ TNMT;
- UBND 45 tỉnh/thành có HCTL.
- Lưu VT, TL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp